

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 25- 4 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN- THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Triệu Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2024/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Trọng T - Sinh năm 1966; nơi sinh: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng T (*Đã chết*) và bà Lê Thị C (*Đã chết*); có vợ: Lê Thị N (*Đã ly hôn*), có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ đã chết; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 169-QĐ/UBKTHU ngày 08/3/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Triệu Sơn. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn H, sinh năm 1991, vắng mặt.

Chị Vi Thị L, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2023, do cần tiền nên anh Lê Văn H và vợ là chị Vi Thị L đến nhà Lê Trọng T vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày (*Từ ngày 28/11/2023 đến ngày 30/11/2023*) với số tiền lãi

phải trả là 42.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, anh Lê Văn H tiếp tục vay Lê Trọng T số tiền 100.000.000 đồng, thì T đồng ý. Tuy nhiên, Lê Trọng T tính tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng trong 03 ngày (*Từ ngày 28/11/2023 đến ngày 30/11/2023*) là 6.000.000 đồng và trừ đi số tiền lãi 42.000.000 đồng của số tiền 700.000.000 đồng vay buổi sáng, đồng thời nợ lại số tiền 17.000.000 đồng. Lê Trọng T chỉ đưa cho anh Lê Văn H số tiền mặt 35.000.000 đồng (*Tức là trong ngày 28/11/2023, Lê Trọng T cho vợ chồng anh H vay với tổng số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày, tiền lãi là 48.000.000 đồng*). Thực tế số tiền vay mà vợ chồng anh H nhận được từ Lê Trọng T là 735.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh H chưa thanh toán số tiền đã vay cho T, thì ngày 01/12/2023, Lê Trọng T đến nhà anh H yêu cầu vợ chồng anh H trả số tiền 800.000.000 đồng, do chưa có tiền để trả nên anh H thoả thuận với Lê Trọng T gia hạn thời hạn vay cho anh H thêm 03 ngày (*Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 03/12/2023*) và trả lãi trong 03 ngày là 48.000.000 đồng (*Anh H chuyển khoản cho T vào ngày 01/12/2023*). Vợ chồng anh Lê Văn H chưa thanh toán số tiền đã vay cho Lê Trọng T.

Ngày 10/01/2024, cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Trọng T, thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu xanh, biển kiểm soát 36B8-098.89; 01 xe mô tô nhãn hiệu Victoria anpha, màu đen, biển kiểm soát 36AB-416.00; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu xanh, biển kiểm soát 36B7-566.53; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, màu đen, biển kiểm soát 36D1-666.50; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu xanh, biển kiểm soát 36B6-215.71; 02 giấy vay tiền ghi ngày 28/11/2023, phần cuối có các chữ ký và ghi tên Lê Trọng T, Lê Văn H, Vi Thị L; 01 giấy biên nhận tiền cầm đất ghi ngày 12/5/2023; 01 giấy bán xe ghi ngày 05/9/2023, phần cuối có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị H

Lê Trọng T giao nộp: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Trọng T và vợ chồng Lê Văn H, chị Vi Thị L (*Chưa công chứng*); 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36AB-416.00 mang tên Trịnh Thế N; 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe có BKS 36D1-666.50 mang tên Đỗ Viết L; 01 đăng ký xe mô tô có BKS 36B6-214.71 mang tên Lê Văn L; 01 căn cước công dân + 01 đăng ký xe máy có BKS 36B8-098.89 mang tên Lê Đình D; 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36B7-566.53 mang tên Lê Sỹ B.

Anh Lê Văn H giao nộp 01 thẻ nhớ nhãn hiệu KIOXIA màu xanh, dung lượng 32 GB, bên trong thẻ nhớ có 03 file video có nội dung liên quan đến việc vay tiền và lãi suất giữa Lê Trọng T và anh Lê Văn H.

Quá trình điều tra, Lê Trọng T khai nhận: Lê Trọng T làm dịch vụ cầm đồ có giấy phép kinh doanh do UBND Huyện T cấp ngày 20/01/2016. Ngoài cho vợ chồng anh Lê Văn H vay số tiền 800.000.000đ, T còn cho bà Đoàn Thị H ở xã Thọ Tiến, Huyện T vay với tổng số tiền là 357.000.000 đồng; anh Lê Sỹ B ở thôn 4, xã X, Huyện T vay

số tiền 20.000.000 đồng; anh Lê Đình D, sinh năm 1994 ở thôn 7, xã T, Huyện T vay 8.000.000 đồng; anh Lê Văn L, sinh năm 1982 ở thôn 6, xã T, Huyện T vay số tiền 7.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 ở thôn 4, xã M, Huyện

T vay số tiền 4.000.000 đồng; anh Đỗ Viết L, sinh năm 1985 ở thôn 3, xã X, huyện T vay số tiền 15.000.000 đồng; Anh Trịnh Thế N, sinh năm 1982 ở 1, xã T, Huyện T vay số tiền 8.000.000 đồng. Đối với những người vay trên, do quen biết nên T không tính lãi hoặc chưa tính lãi. Qua xác minh, lấy lời khai bà Đoàn Thị H, anh Lê Sỹ B khai nhận do quen biết nên vay tiền T không tính tiền lãi; Anh Lê Đình D không nhớ thỏa thuận lãi suất vay tiền với T; Anh Đỗ Viết Long, chị Nguyễn Thị H, anh Trịnh Thế N không có mặt tại địa phương nên chưa lấy được lời khai.

Căn cứ vào Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định: Lê Trọng T đã cho vợ chồng anh Lê Văn H vay tổng số tiền là 800.000.000 đồng, trong thời hạn 05 ngày, thu lãi 96.000.000 đồng, tương đương 876% cao gấp 43,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 93.808.219 đồng.

Vật chứng của vụ án: 02 giấy vay tiền ghi ngày 28/11/2023, phần cuối có chữ ký và tên Lê Trọng T, Lê Văn H, Vi Thị L; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Trọng T và vợ chồng Lê Văn H (*Chưa công chứng*); 01 thẻ nhớ nhãn hiệu KIOXIA màu xanh, dung lượng 32 GB, bên trong thẻ nhớ có 03 file video trong phong bì được niêm yết đang lưu trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, xác định những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra Công an Huyện T trả lại cho Lê Trọng T: 05 xe máy và 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36AB-416.00 mang tên Trịnh Thế Nam; 01 giấy cho phép lái xe, 01 đăng ký xe có BKS 36D1-666.50 mang tên Đỗ Viết L; 01 đăng ký xe mô tô có BKS 36B6-214.71 mang tên Lê Văn L; 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36B8-098.89 mang tên Lê Đình D; 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36B7-566.53 mang tên Lê Sỹ B.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-TS ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện T truy tố bị cáo Lê Trọng T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS xử phạt Lê Trọng T từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu từ Lê Trọng T: 17.000.000đ tiền gốc nợ lại và 1.095.890đ tiền lãi tương ứng mức lãi 20%/năm bị cáo đã nhận.

+ Truy thu từ anh Lê Văn H và chị Vi Thị L: 735.000.000đ tiền gốc mà người vay chưa trả cho T và 1.095.890đ tiền lãi tương ứng mức lãi 20%/năm mà anh H và chị Linh chưa trả cho bị cáo.

+ Lê Trọng T phải trả anh Lê Văn H và chị Vi Thị L số tiền lãi: 46.904.109đ tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trọng T khai nhận đã thực hiện các hành vi như nội dung Bản Cáo trạng truy tố, không có ý kiến gì tham gia tranh luận với đại diện và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Trọng T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/11/2023, Lê Trọng T cho vợ chồng anh H và chị Linh vay với tổng số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày, thu lãi 96.000.000 đồng tương đương 876%/năm cao gấp 43,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 93.808.219 đồng. Hành vi của Lê Trọng T đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Vì vậy, Bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Huyện T đối với hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, không có khả năng trả nợ, ảnh hưởng đến đời sống gia đình bị hại, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện nộp 60.000.000đ để khắc phục hậu quả; bị cáo nhập ngũ tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới Vị Xuyên – Hà Tuyên được Trung đoàn chính trị tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 1987 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, b, v khoản 1 Điều 51BLHS. Bị cáo đóng góp 1.000.000đ cho địa phương xây dựng nông thôn

mới làm đường bê tông năm 2012 là tình giết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51BLHS. Vì vậy, được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp và điều kiện kinh tế để chấp hành hình phạt tiền. Do đó, áp dụng hình phạt tiền đối với Lê Trọng T cũng đủ khả năng giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, do đó không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Số tiền Lê Trọng T tính lãi 96.000.000 đồng (Trong đó: T cắt lãi trước: 48.000.000đ, anh H và chị Linh chuyển khoản: 48.000.000đ) cho khoản vay 800.000.000đ trong 05 ngày (Lê Trọng T giao cho anh H và chị Linh tiền gốc: 735.000.000đ, nợ lại: 17.000.000đ và cắt lãi trước: 48.000.000đ).

Đối với khoản tiền gốc Lê Trọng T đã giao cho anh Lê Văn H và chị Vi Thị L: 735.000.000đ được xác định là phương tiện phạm tội. Anh H và chị Linh chưa trả cho T nên truy thu từ anh Lê Văn H và chị Vi Thị L số tiền gốc: 735.000.000đ và truy thu số tiền lãi: 1.095.891đ là lãi tương ứng mức lãi 20%/năm mà anh H và chị Linh chưa trả cho bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc Lê Trọng T nợ lại 17.000.000đ được xác định là phương tiện phạm tội nên truy thu từ Lê Trọng T nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi vợ chồng anh H đã chuyển khoản cho bị cáo: 48.000.000đ. Trong đó, có 1.095.891đ là tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm tuy không tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây là số tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên truy thu từ Lê Trọng T nộp vào ngân sách nhà nước; số tiền còn lại: 46.904.109đ là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà Lê Trọng T thu lợi bất chính nên bị cáo phải trả lại cho anh Lê Văn H và chị Vi Thị L số tiền này.

Đối với 05 xe máy và 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36AB-416.00 mang tên Trịnh Thế Nam; 01 giấy cho phép lái xe, 01 đăng ký xe có BKS 36D1-666.50 mang tên Đỗ Viết Long; 01 đăng ký xe mô tô có BKS 36B6-214.71 mang tên Lê Văn Long; 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36B8-098.89 mang tên Lê Đình D; 01 căn cước công dân, 01 đăng ký xe máy có BKS 36B7-566.53 mang tên Lê Sỹ B do không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra Công an Huyện T trả lại cho Lê Trọng T là đúng quy định.

Đối với: 02 giấy vay tiền ghi ngày 28/11/2023, phần cuối có chữ ký và tên Lê Trọng T, Lê Văn H, Vi Thị L; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Trọng T và vợ chồng anh Lê Văn H (*Chưa công chứng*); 01 thẻ nhớ nhãn hiệu KIOXIA màu xanh, dung lượng 32 GB, bên trong thẻ nhớ có 03 file video trong phong bì được niêm yết là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 60.000.000đ mà Lê Trọng T đã tự nguyện nộp trước khi mở phiên tòa để thực hiện nghĩa vụ của bị cáo được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] - Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Trọng T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt: **Lê Trọng T**: 75.000.000đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước.

[2] - Áp dụng: Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, 331,333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu của anh Lê Văn H và chị Vi Thị L số tiền gốc: 735.000.000đ (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi: 1.095.891đ (*Một triệu, không trăm chín lăm nghìn, tám trăm chín một đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu của Lê Trọng T số tiền gốc: 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) và tiền lãi: 1.095.891đ (*Một triệu, không trăm chín lăm nghìn, tám trăm chín một đồng*) nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Lê Trọng T phải trả cho anh Lê Văn H và chị Vi Thị L số tiền lãi: 46.904.109đ (*Bốn mươi sáu triệu, chín trăm linh bốn nghìn, một trăm linh chín đồng*).

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền: 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) của Lê Trọng T đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000246 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan

đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Anh

Đào Thị Hiền

Lê Thị Thu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Vào hồi giờ phút ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

Tiến hành thảo luận vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2023/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

Nguyễn Ngọc Cư - Sinh năm 1986

Lê Thị Thủy- Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Nội Sơn, xã Hợp Lý, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 290,292,297, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoãn phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thụ lý số 65/2023/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2023, lý do: Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo Luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 7 năm 2023
Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng
nghe và ký tên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Thủy

Trần Xuân Anh

Lê Thị Thu

**TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Vào hồi giờ phút ngày 15 tháng 8 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Mạnh Hùng

Tiến hành thảo luận vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2023/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

Nguyễn Ngọc Cư - Sinh năm 1986

Lê Thị Thủy- Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Nội Sơn, xã Hợp Lý, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 290,292,297, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoãn phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thụ lý số 65/2023/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2023, lý do: Bị cáo Lê Thị Thủy vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 15 tháng 8 năm 2023
Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng
nghe và ký tên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Thủy

Nguyễn Mạnh Hùng

Lê Thị Thu